

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày: 18/02/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Ngọc Mai;

2. Ông Nguyễn Văn Út;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, Khu A, Quốc lộ E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 03/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh S, sinh năm 2001; Nơi đăng ký thường trú: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị Cẩm L1, sinh năm 1973; Bị cáo chưa có vợ, con: Anh, chị, em ruột có 02 người. Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 11/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 05/2019/HS-ST. Chấp hành xong án phạt tù ngày 03/5/2020. Đã xóa án tích.

- Ngày 12/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 46/2020/HS-ST. Chấp hành xong án phạt tù ngày 23/01/2021. Đã xóa án tích.

Bị cáo Nguyễn Thanh S bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Minh T, sinh năm 1995; Nơi đăng ký thường trú: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn X, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột 03 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Phan Minh T bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Đinh Văn L2, sinh năm 1951; (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Ông Phan Văn X, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 14/8/2024, Phan Minh T điều khiển xe mô tô biển số 62L1-512.54 chở Nguyễn Thanh S đi chơi từ thị trấn C đến ngã tư Chợ T. T chở S đến nhà bia Liệt sĩ tại ấp N, xã T, huyện C thì các bị cáo nhìn thấy ông Đinh Văn L2 sinh năm 1951 là người khuyết tật nặng, bị cụt tay đang ngồi trên ghế đá trong khuôn viên nhà bia, trên người ông L2 có đeo 01 cái túi ngang bụng màu đen nên T rủ S giật lấy túi đeo ngang trên bụng của ông L2 thì S đồng ý. T quan sát xung quanh thấy không có người nên điều khiển xe đậu bên trong khuôn viên nhà bia, đầu xe quay ra hướng Quốc lộ E, song song với ghế đá nơi ông L2 ngồi, cách khoảng 05 mét. Lúc này, S bước xuống xe đi bộ lại chỗ ông L2 ngồi, dùng hai tay giật mạnh lấy cái túi ngang trên bụng của ông L2 rồi nhanh chóng bỏ chạy leo lên xe T đang chờ sẵn tẩu thoát về hướng ngã tư Chợ T. T chở S đến đường Đ, thuộc ấp C, xã L, huyện C thì S ngồi phía sau mở cái túi vừa giật được kiểm tra phát hiện bên trong có số tiền 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động, hiệu N màu đen loại bàn phím, S lấy tiền cất vào túi quần Jean bên trái, còn điện thoại di động cất vào túi quần Jean bên phải. T chở S được 01 đoạn khoảng 2km thì S nói T dừng xe lại để rút cái túi xuống kênh rồi T chở S về nhà trọ S ở khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An nghỉ ngơi. Ngày 15/8/2024, S đưa cho T số tiền 500.000 đồng nhưng T không thừa nhận,

số tiền còn là 1.500.000 đồng và điện thoại di động hiệu Nokia 105 Sang cất giữ và tiêu xài. Đến khoảng 04 ngày sau thì T kêu S đưa điện thoại di động N để T sử dụng nhưng T bỏ túi quần làm rớt mất, không nhớ ở đâu. Ngày 15/8/2024, ông L2 trình báo sự việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C. Qua điều tra, T và S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 31/KL-HĐĐGTX ngày 05/9/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 túi đeo dây ngang lưng bằng vải dù, màu rêu, có khóp nổi (không rõ hiệu) mua mới tháng 6/2024, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, mua tháng 06/2024; 01 sim điện thoại số 0783435539. Giá trị tài sản là 818.000 đồng.

Qua điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tạm giữ: Số tiền 1.500.000 đồng ông Nguyễn Văn L giao nộp; số tiền 818.000 đồng do ông Phan Văn X giao nộp.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã giao trả: số tiền 2.318.000 đồng cho ông Đinh Văn L2.

Cáo trạng số 76/CT-VKSCG ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh S, Phan Minh T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức giữ nguyên quyết định truy tố. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh S, đề nghị xử phạt tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Đối với bị cáo Phan Minh T, đề nghị xử phạt tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ông L2 đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại là 2.318.000 đồng, ông L2 yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường 500.000 đồng.

Bị cáo S đồng ý bồi thường tiếp cho ông L2 số tiền 500.000 đồng, đã nộp tại Chi cục Thi hành dân sự huyện C theo Quyết định chuyển vật chứng số 46/QĐ-VKSCĐ ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức.

Tại phiên tòa, bà H là chủ sở hữu xe mô tô loại xe Wave RSX biển số 62L1-512.54 yêu cầu bị cáo S bồi thường giá trị xe là 15.000.000 đồng, bị cáo S đồng ý bồi thường cho bà H số tiền 15.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với xe mô tô biển số 62L1-512.54 do bà Nguyễn Thị H đứng tên, bà H không biết T và S sử dụng xe mô tô của bà H để thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên không xử lý hình sự đối với bà H.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh S, Phan Minh T khai: Các bị cáo S, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với

các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức truy tố bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội.

Bị cáo Nguyễn Thanh S trình bày tranh luận: Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo Phan Minh T trình bày tranh luận: Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Thanh S, Phan Minh T nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử mức án nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Nguyễn Thanh S, Phan Minh T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá về tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 16 giờ 00 ngày 14/8/2024, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 62L1-512.54 chở S đi từ hướng thị trấn C về ngã tư Chợ T, khi đến nhà bia Liệt Sĩ tại ấp N, xã T, cả 02 nhìn thấy ông L2 là người già bị khuyết tật đang ngồi trên băng ghế đá khuôn viên nhà bia Liệt sĩ, trên người ông L2 có đeo 01 cái túi ngang bụng nên cả hai thống nhất giật lấy túi đeo trên người ông L2. T đậu xe trong khuôn viên nhà bia song song với vị trí ông L2 đang ngồi, đầu xe hướng ra đường quốc lộ 50, cách chỗ ông L2 ngồi khoảng 05 mét. Bị cáo S trực tiếp tiếp cận ông L2, dùng 02 tay để giựt lấy tài sản của ông L2, rồi nhanh chóng bỏ chạy ra xe T đang chờ sẵn tẩu thoát về hướng ngã tư Chợ T, tài sản chiếm đoạt được gồm có số tiền 2.000.000 đồng; 01 túi đeo ngang lưng, 01 điện thoại di động, 01 sim điện thoại di động trị giá là 818.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.818.000 đồng.

Bị hại ông L2 sinh năm 1951 là người bị khuyết tật nặng nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ kết luận bị cáo T, bị cáo S phạm tội Cướp giật tài sản thuộc trường hợp định khung hình phạt “... *phạm tội đối với... người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[2.2] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo T, bị cáo S gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo S, T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ nhưng muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi giật tài sản của người khác. Hành vi trái pháp luật của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[3] Căn cứ quyết định hình phạt:

[3.1] Về lỗi: Bị cáo T, bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp, mục đích tư lợi cho cá nhân.

Việc hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có bàn bạc từ trước, không có phân công vị trí vai trò từng người, nên đây là đồng phạm mang tính giản đơn, nên không xem xét đến tình tiết phạm tội có tổ chức.

[3.2] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại thay cho các bị cáo nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.4] Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo S là người có nhân thân xấu, còn bị cáo T là người có nhân thân tốt.

[3.5] Trong vụ án cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo. Bị cáo T là người rủ rê bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người điều khiển phương tiện để 02 bị cáo cùng tẩu thoát, cảnh giới cho bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo S là người trực tiếp thực hành, là người sử dụng tài sản cướp giật và phân chia cho bị cáo T.

Từ đó hình phạt đối với bị cáo S phải cao hơn so với bị cáo T và phải cách ly 02 bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo S đồng ý tiếp tục bồi thường cho ông L2 500.000 đồng, được khấu trừ vào giấy nộp tiền ngày 28/11/2024 vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức và Quyết định chuyển vật chứng số 46/QĐ-VKSCĐ ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức.

Tại phiên tòa, bị cáo S tự nguyện bồi thường cho bà H giá trị chiếc xe mô tô Wave RSX biển số 62L1-512.54 là 15.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với số tiền 818.000 đồng ông X đã nộp bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo T và số tiền 2.000.000 đồng, ông L đã nộp bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo S, ông X, ông L không yêu cầu các bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bị cáo Nguyễn Thanh S, Phan Minh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh S, Phan Minh T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 08/10/2024.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thanh S 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án ngày 18/02/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Thanh S theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Minh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 08/10/2024.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Minh T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án ngày 18/02/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Phan Minh T theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Đinh Văn L2 số tiền là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số

tiền 500.000 đồng đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành dân sự huyện C theo giấy nộp tiền ngày 28/11/2024 và Quyết định chuyển vật chứng số 46/QĐ-VKSCĐ ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức.

Bị cáo Nguyễn Thanh S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị H là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh S, Phan Minh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi hạn:

- TAND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- VKSND huyện (01b);
- VKSND tỉnh (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Các đương sự (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân

